

**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG SẢN PHẨM CHO VAY PHỤC VỤ
NHU CẦU ĐỜI SỐNG TẠI KHỐI KHÁCH HÀNG ĐẠI CHÚNG****Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

- 1.1 “**OCB**” là Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông.
- 1.2 “**Bên cho vay**” là Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông, Khối Khách hàng Đại chúng.
 - Địa chỉ: 28-30 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
 - Số điện thoại: +84 8 36 220 139 Website: <https://www.ocb.com.vn>
 - MSDN: 0300852005 – 016
 - Tài khoản: VNĐ 1757400010133 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, Tên Tài khoản: Khối Khách hàng Đại chúng.
 - Đại diện bởi: Ông Nguyễn Thành Phú.
 - Chức vụ: Giám đốc Khối Khách hàng Đại chúng.
 - Theo Giấy ủy quyền số 42/2016/UQ-TGD ngày 22/06/2016 do Tổng Giám đốc OCB ký.
 - Con dấu sử dụng là con dấu của Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Bến Thành.
- 1.3 “**Bên vay**” là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, cá nhân có quốc tịch nước ngoài.
- 1.4 “**Điều khoản và điều kiện giao dịch chung**” có nghĩa là bản điều khoản và điều kiện giao dịch chung này.
- 1.5 “**Hợp đồng**” là tập hợp, bao gồm nhưng không giới hạn (theo quy định của pháp luật), Hồ sơ đề nghị vay vốn, Thỏa thuận cho vay, Bản điều khoản và điều kiện giao dịch chung và những tài liệu trao đổi phát sinh trong quá trình thực hiện thỏa thuận cho vay giữa OCB và Bên vay. Một phần của Hợp đồng là bản điều khoản và điều kiện giao dịch chung có thể được OCB sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm phù hợp quy định pháp luật và được niêm yết công khai trên Website, trụ sở chính của Bên cho vay theo quy định.
- 1.6 “**Khoản vay**” là số tiền OCB cho Bên vay vay để phục vụ nhu cầu đời sống hoặc phục vụ mục đích hợp pháp khác, tùy theo quy định cụ thể của sản phẩm cho vay.
- 1.7 “**Lãi suất**” là mức lãi suất cho vay do OCB phê duyệt cho Bên vay, trên cơ sở OCB và Bên vay đã thỏa thuận căn cứ theo cung cầu vốn của thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay.
- 1.8 “**Phí bảo hiểm**” là số tiền mà Bên vay đồng ý vay của OCB để thanh toán cho Công ty bảo hiểm (do OCB chỉ định) cung cấp dịch vụ bảo hiểm dư nợ tín dụng và sản phẩm bảo hiểm khác (tùy theo sản phẩm tín dụng tương ứng).
- 1.9 “**Số tiền cho vay**” là khoản tiền do OCB phê duyệt, khoản tiền này bao gồm khoản vay và phí bảo hiểm (nếu có).

- 1.10 **“Số tiền vay còn lại”** là - tại bất kỳ thời điểm nào - một phần số tiền cho vay mà Bên vay chưa thanh toán đến thời điểm đó.
- 1.11 **“Khoản trả hàng tháng”** là số tiền Bên vay phải thanh toán cho OCB hàng tháng theo thỏa thuận vay vốn.
- 1.12 **“Khoản nợ còn lại”** có nghĩa là, tại bất kỳ thời điểm nào, số tiền vay còn lại, tổng lãi phải trả và tất cả các khoản phạt cùng các nghĩa vụ tài chính khác phải thanh toán theo Hợp đồng này mà vẫn chưa được Bên vay thanh toán đến thời điểm đó.
- 1.13 **“Ngày thanh toán hàng tháng”** có nghĩa là ngày dương lịch mà vào ngày đó Bên vay sẽ thanh toán Khoản trả hàng tháng.
- 1.14 **“Thỏa thuận vay vốn”** là văn bản thỏa thuận chi tiết những nội dung cơ bản về số tiền vay giữa OCB và Bên vay.
- 1.15 **“Hồ sơ đề nghị vay vốn kèm thỏa thuận cho vay và đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng”** là một phần không tách rời của Hợp đồng khi hồ sơ này được OCB chấp thuận bằng việc giao kết thỏa thuận cho vay và giải ngân số tiền vay cho Bên vay.
- 1.16 **Lịch trả nợ dự kiến:** là bản thông tin giúp Bên vay biết được khoản trả hàng tháng bao gồm số tiền gốc, lãi phải trả và ngày thanh toán hàng tháng. Lịch trả nợ chi tiết sẽ được gửi đến địa điểm do Bên vay cung cấp để Bên vay biết được chính xác ngày thanh toán hàng tháng, khoản trả hàng tháng.
- 1.17 **Các từ ngữ khác** (nếu có) mà chưa được định nghĩa ở phần này, thì được hiểu theo quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các quy định có liên quan.

Điều 2. CHI TIẾT THANH TOÁN

- 2.1. Bên vay đồng ý thanh toán cho OCB như sau:

$$\text{Số tiền trả góp mỗi kỳ} = \frac{rP}{1-(1+r)^{-N}}$$

Trong đó:

r: Lãi suất theo kỳ trả nợ.

N: Thời hạn vay theo số kỳ trả nợ.

P: Nợ gốc.

Theo đó số tiền trả góp mỗi kỳ sẽ bằng nhau giữa các kỳ trong thời hạn vay. Số tiền trả góp của kỳ cuối cùng được tính theo tổng số của nợ gốc còn lại trước kỳ cuối cùng và tiền lãi tính trên nợ gốc còn lại này.

Số tiền trả gốc mỗi kỳ bằng (=) Số tiền trả góp mỗi kỳ trừ đi (-) Số tiền trả lãi mỗi kỳ.

Số tiền trả lãi mỗi kỳ bằng (=) Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi nhân với (x) Số ngày thực tế kỳ tính lãi nhân với (x) Lãi suất năm quy định trên thỏa thuận cho vay chia cho (/) 365.